

Bản án số: 89/2025/HS-ST

Ngày: 09 – 5 – 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Anh Tuấn.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 326/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T; sinh ngày: 17/01/2000, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Số B P, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm công; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thủy T1; vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: Không;

- Tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Ngày 27/8/2024, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2024/HS-ST).

+ Ngày 26/02/2025, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 (chín) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín

nhiệm chiếm đoạt tài sản”; đồng thời tổng hợp với Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2024/HS-ST của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 (hai) bản án là 05 (năm) năm tù (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 26/02/2025 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/7/2023. (Có mặt).

* *Bị hại:* Ông Triệu Quốc T2, sinh năm: 1985; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Số C B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: E ấp D, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Q; địa chỉ: Số C A, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1988, nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Số C T, thành phố N, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Số C A, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ, ngày 11/4/2021, Nguyễn Minh T cùng ông Triệu Quốc T2, ông Lại Hữu L1 và một số người bạn của ông T2 ngồi nhậu tại trước nhà số A A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong lúc nhậu, T hỏi mượn điện thoại di động Oppo F9 của ông T2 để chơi game. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T mượn chiếc xe máy hiệu Vision, biển số: 59L2-208.06 của ông T2 để T đi qua nhà bạn ở quận B chơi thì được ông T2 đồng ý. Sau khi được ông T2 giao chiếc xe, trên đường đi qua nhà bạn của T ở quận B thì T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe và điện thoại của ông T2 đem bán lấy tiền tiêu xài; nên đã không quay lại để trả chiếc điện thoại và chiếc xe cho ông T2 mà T đã mượn trước đó.

Ngày 13/4/2021, T điều khiển xe máy biển số: 59L2-208.06 đến Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Q (địa chỉ: số C A, Phường A, Quận H) cầm xe cho bà Trần Thị Thu H (là người quản lý, điều hành hoạt động của hộ kinh doanh) với giá 15.000.000 đồng. Ngày 16/4/2024, T lấy chiếc điện thoại Oppo F9 của ông T2 đem bán cho một nam thanh niên (không rõ lai lịch) với giá 1.500.000 đồng ở đường P, Phường A, Quận H (không rõ địa chỉ). Khi bán xe và điện thoại nêu trên, T không nói nguồn gốc do đâu mà có.

Sau khi chiếm đoạt tài sản của ông T2, T cắt đứt liên lạc với ông T2 và bỏ trốn. Số tiền 16.500.000 đồng có được từ việc bán xe và điện thoại thì T đã tiêu xài hết.

Đến ngày 22/7/2023, T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố, bắt tạm giam.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2, bà H khai nhận: Ngày 13/4/2021, Nguyễn Minh T đem chiếc xe máy, biển số: 59L2-208.06 đến cầm với giá 15.000.000 đồng và bà H không biết xe này do T phạm tội mà có. Bà H giao nộp chiếc xe gắn máy biển số: 59L2-208.06 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 để phục vụ công tác điều tra.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2, ông T2 khai nhận: Ông T2 có cho T mượn chiếc điện thoại di động Oppo F9 và chiếc xe gắn máy Honda Vision, biển số: 59L2-208.06 để làm phương tiện đi lại và liên lạc, T không được phép cầm cố hoặc bán khi chưa có sự đồng ý của ông T2.

Ngày 21/02/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận H có Kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐGTS kết luận: 01 xe gắn máy, biển số: 59L2-208.06 có giá là 17.000.000 đồng. Ngày 24/5/2024, Hội đồng định giá tài sản Quận H có Kết luận định giá tài sản số: 44/KL-HĐĐGTS kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9, dung lượng 64GB có giá là 1.992.000 đồng. Tổng trị giá tài sản qua định giá là 18.992.000 đồng.

Ngày 21/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Minh T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn MinhThắng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:

- Thu giữ của bà Trần Thị Thu H:

+ 01 (một) xe gắn máy Vision, biển số: 59L2-208.06;

+ 01 (một) giấy đăng ký xe gắn máy, biển số: 59L2-208.06.

- Thu giữ của ông Nguyễn Quốc T3: 01 (một) ảnh màu, kích thước bằng khổ giấy A4 (hình ảnh của Nguyễn Minh T) và ông T3 không yêu cầu nhận lại.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 đã ra Quyết định trả lại chiếc xe gắn máy Vision, biển số: 59L2-208.06 và giấy đăng ký xe gắn máy, biển số: 59L2-208.06 cho ông Triệu Quốc T2.

Phản dân sự:

- Ông Triệu Quốc T2 không yêu cầu T bồi thường chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F9, dung lượng 64GB và không có yêu cầu T bồi thường gì khác.

- Bà Trần Thị Thu H yêu cầu Nguyễn Minh T bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cho Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Q.

* Bản cáo trạng số 280/CT-VKS-Q8, ngày 17/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh Thắng về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Minh T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm a Khoản 1 Điều 175; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T mức án từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 26/02/2025 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chấp hành hình phạt tù chung của 02 (hai) Bản án theo quy định của pháp luật.

- Về phần trách nhiệm dân sự:

+ Anh Triệu Quốc T2 không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

+ Bà H yêu cầu Nguyễn Minh T bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cho Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Q, nên buộc bị cáo thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo Nguyễn Minh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như Cáo trạng đã nêu và bị cáo không tranh luận, không bào chữa. Bị cáo đồng ý bồi thường cho Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Q với số tiền là 15.000.000 đồng, nhưng xin thực hiện bồi thường nhiều lần, sau khi chấp hành án trở về.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Q2, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi và quyết định của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu. Cụ thể là vào khoảng hơn 16 giờ, ngày 11/4/2021, tại trước nhà số A A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; sau khi bị cáo được ông Triệu Quốc T2 giao một chiếc xe gắn máy Vision, biển số: 59L2-208.06 (để bị cáo đi qua nhà người bạn của bị cáo tại quận B chơi) và một chiếc điện thoại di động Oppo F9 để sử dụng; nhưng sau khi có được các tài sản này thì bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và cắt đứt mọi liên lạc với ông T2, sau đó đã đem chiếc xe gắn máy Vision, biển số: 59L2-208.06 đi cầm cố với số tiền 15.000.000 đồng và đã bán chiếc điện thoại di động Oppo F9 với số tiền 1.500.000 đồng (tiêu xài cá nhân hết) và bỏ trốn.

Tổng số tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại, qua định giá là 18.992.000 đồng.

Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Minh T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, với hành vi đã thực hiện và với trị giá tài sản mà bị cáo Nguyễn Minh T đã chiếm đoạt của bị hại T2; đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Minh T đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Minh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về nhân thân của bị cáo Nguyễn Minh T: Bị cáo Nguyễn Minh T có quá trình nhân thân không tốt (sau khi thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo đã tiếp tục thực hiện thêm hành vi phạm tội mới tại Quận E và Quận F, sau đó bị phát hiện bắt giữ), lẽ ra bị cáo phải biết sửa chữa, tu dưỡng và rèn luyện bản thân để phấn đấu thành công dân sống có ích cho xã hội, nhưng ngược lại bị cáo vẫn cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới, qua đó thể hiện thái độ xem thường pháp luật; nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, lưu ý khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cho tương xứng và phù hợp.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, cũng tỏ ra biết ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; một phần tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[6] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Nguyễn Minh T, cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo tại phiên tòa là có cơ sở pháp luật, mức án đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Minh T không có nghề nghiệp ổn định, không phải là người có chức vụ, không có thu nhập và không có tài sản, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử miễn cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại (ông Triệu Quốc T2) không có yêu cầu bị cáo T bồi thường và vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Bà Trần Thị Thu H (đại diện theo ủy quyền của Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Q) có yêu cầu bị cáo T bồi thường một lần số tiền 15.000.000 đồng (đây là số tiền mà bị cáo T đã nhận từ bà H khi bị cáo cầm cố chiếc xe gắn máy Vision, biển số: 59L2-208.06 (đã chiếm đoạt của bị hại T2) tại Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Q).

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 15.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H, nhưng bị cáo xin được thực hiện bồi thường nhiều lần, sau khi chấp hành án trở về.

Xét, giữa bị cáo và bị hại đã thống nhất với nhau số tiền phải bồi thường như nêu trên; nhưng chưa thống nhất với nhau về thời gian và phương thức thực hiện việc bồi thường. Theo quy định của pháp luật về nguyên tắc bồi thường thiệt hại thì thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời, nếu các bên không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Vì vậy, bị cáo T phải có trách nhiệm thực hiện bồi thường một lần số tiền nêu trên cho Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Q (có bà Trần Thị Thu H đại diện theo ủy quyền); ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[9] Về vật chứng:

- Đối với các vật chứng không thu hồi được, nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

- Đối với 01 (một) xe gắn máy Vision, biển số: 59L2-208.06 và 01 (một) giấy đăng ký xe gắn máy, biển số: 59L2-208.06: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho ông Triệu Quốc T2 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 (một) ảnh màu, kích thước bằng khổ giấy A4 (hình ảnh của Nguyễn Minh T do bị hại T2 cung cấp): Đây là các tài liệu có liên quan đến vụ án và hiện đang được lưu theo hồ sơ vụ án; nên cần tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với bà Trần Thị Thu H (là người được ủy quyền quản lý, điều hành hoạt động của Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Q) khi nhận cầm cố chiếc xe gắn máy Vision, biển số: 59L2-208.06 của bị cáo T thì bà H không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có và bà H cũng không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T; nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với đối tượng đã mua chiếc điện thoại di động Oppo F9 của bị cáo T, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch; nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý trong cùng vụ án này và vẫn tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ để xử lý sau là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 175; các điểm: i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh T 02 (hai) năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 26/02/2025 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) Bản án là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/7/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung (miễn) đối với bị cáo Nguyễn Minh T.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với bị hại T: Không giải quyết.

+ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Q):

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều: 584, 585, 586, 587, 590, 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T thực hiện bồi thường cho Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Q (có bà Trần Thị Thu H đại diện), với số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Thi hành việc bồi thường một lần, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải bồi thường nêu trên cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) ảnh màu, kích thước bằng khổ giấy A4 (hình ảnh của Nguyễn Minh T).

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PV06 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- CQCSĐT CA TP.HCM;
- CQ THAHS CA TP. HCM;
- VKSND Q.8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.8, TP.HCM;
- Phân trại tạm giam Khu vực Quận 8 - Trại tạm giam Chí Hòa - CA TP. HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Trú